

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **54/2020/DS-ST**
Ngày: 14-8-2020
V/v: “Tranh chấp hợp đồng
tín dụng”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Hòa

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Công Danh;
2. Bà Huỳnh Thị Kim Kiên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Đạt – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tham gia phiên tòa: Ông Mai Văn Thông - Kiểm sát viên

Ngày 14 tháng 8 năm 2020 tại Toà án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý: 227/2020/TLST-DS ngày 25 tháng 02 năm 2020 về việc “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 75/2020/QĐXX-ST ngày 07/7/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 723/2020/QĐST-DS ngày 28/7/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên A;

Địa chỉ: Tòa nhà A, số B, đường Đ, phường C, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh; là nguyên đơn.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lô Bằng G – Chủ tịch HĐQT;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hoàng V, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Căn hộ A chung cư B, đường N, phường Q, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (theo văn bản ủy quyền ngày 30/12/2019). Có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Hồng P, sinh năm 1969;

Địa chỉ: Số 40/1, khu phố A, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên A có đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Hoàng V trình bày:

Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên A (gọi tắt là Công ty Tài chính A) đã cấp tín dụng cho bà Nguyễn Thị Hồng P tại hợp đồng tín dụng số 20160114-100034-3820 vay số tiền 25.776.919 đồng, lãi suất thỏa thuận 2.92%/tháng để tiêu dùng cá nhân. Theo thỏa thuận trong hợp đồng, bà P có trách nhiệm thanh toán số tiền 38.071.000 đồng (gồm cả gốc 25.776.919 đồng và lãi là 12.294.081 đồng), trả chậm liên tiếp trong vòng 28 tháng, 27 tháng đầu mỗi tháng trả 1.360.000 đồng, tháng cuối cùng trả 1.351.000 đồng; Thanh toán vào ngày 20 hàng tháng, bắt đầu từ ngày 20/02/2016.

Thực hiện hợp đồng, bà P đã nhận đủ số tiền để tiêu dùng cá nhân và thanh toán cho Công ty Tài chính A 02 lần với tổng số tiền đã trả là 2.720.000 đồng, trong đó gốc là 1.234.084 đồng và lãi là 1.485.916 đồng. Từ ngày 20/3/2016 đến nay, bà P không thanh toán thêm bất kỳ khoản nào dù Công ty Tài chính A đã dùng nhiều biện pháp nhắc nhở.

Do khách hàng trễ hạn thanh toán nên Công ty Tài chính A khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị Hồng P thanh lý hợp đồng, trả cho Công ty Tài chính A tổng số tiền 35.351.000 đồng, trong đó nợ gốc là 24.542.835 đồng, nợ lãi 10.808.165 đồng.

Do bận công việc, ông Vũ đề nghị xét xử vắng mặt.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng P đã được tổng đạt (niêm yết) hợp lệ các văn bản tố tụng: Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo về việc cung cấp tài liệu chứng cứ, Thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ nhưng không đến Tòa án làm việc nên không có lời trình bày.

Tại phiên tòa hôm nay, ngoài các chứng cứ các đương sự đã cung cấp từ khi thụ lý, nguyên đơn, bị đơn không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ gì khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Đã thực hiện đúng theo quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng

Nai thụ lý vụ án đúng thẩm quyền; xác định quan hệ pháp luật, tư cách của đương sự và thu thập chứng cứ đúng quy định của pháp luật.

+ Về việc giải quyết vụ án: Từ các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ, đối chiếu các quy định của pháp luật; có đủ căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về án phí bà Nguyễn Thị Hồng P phải chịu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Tổ tụng:

- Về tư cách tổ tụng và quan hệ tranh chấp:

Công ty Tài chính A khởi kiện bà Nguyễn Thị Hồng P thanh toán tiền nợ gốc và lãi trong hợp đồng tín dụng. Căn cứ vào Điều 68 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 xác định Công ty Tài chính A là nguyên đơn, bà P là bị đơn. Căn cứ khoản 14, 16 Điều 4 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), quan hệ pháp luật được xác định là “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng”.

- ***Về thẩm quyền giải quyết:*** Bà Nguyễn Thị Hồng P có địa chỉ thường trú và cư trú tại phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 xác định yêu cầu khởi kiện của Công ty Tài chính A thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai nên được xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

- ***Về thủ tục tố tụng khác:*** Ông Nguyễn Hoàng V là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng P đã được tổng đạt (niêm yết) hợp lệ 02 lần (quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm và quyết định hoãn phiên tòa) nhưng vắng mặt; Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù Tòa án không làm việc được với bà P nhưng căn cứ vào hợp đồng tín dụng số 20160114-100034-3820 ngày 14/01/2016 giữa Công ty Tài chính A với bà P và các chứng cứ khác thể hiện tại hồ sơ, nhận thấy đã có đủ cơ sở xác định vào ngày 14/01/2016, Công ty Tài chính A có cho bà P vay số tiền 25.776.919 đồng để sử dụng vào mục đích cá nhân là có thật và từ ngày vay cho đến nay, bà P chỉ mới trả cho Công ty Tài chính A được

02 tháng nên căn cứ theo hợp đồng tín dụng thì bà P đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cũng đã niêm yết chứng cứ khởi kiện và các thủ tục tố tụng theo quy định nhưng bà P vẫn không có ý kiến phản hồi, cố tình vắng mặt, do vậy nên xem như bà P đã từ chối cung cấp tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình và mặc nhiên thừa nhận nợ.

Từ sự nhận định trên, căn cứ theo qui định tại các điều 90, 91, 95 và Điều 98 Luật các Tổ chức tín dụng; Các điều 116, 117, 385, 463, 466, 468 và Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Tài chính A, buộc bà P phải trả cho Công ty Tài chính A tổng số tiền 35.351.000 đồng, trong đó nợ gốc là 24.542.835 đồng, nợ lãi 10.808.165 đồng.

Kể từ ngày 14/8/2020, bà P còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tại phiên tòa về hướng giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Về án phí: Bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng P phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, 35, 39, khoản 1 Điều 147, điều 227, 228, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 4, 90, 91, 95 và Điều 98 Luật Các tổ chức tín dụng 2010 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017); Các điều 116, 117, 385, 463, 466, 468 và Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên A đối với bà Nguyễn Thị Hồng P về việc “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng”.

Buộc bà Nguyễn Thị Hồng P phải trả cho Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên A số tiền 35.351.000 đồng (ba mươi lăm triệu ba trăm năm mươi một ngàn đồng), trong đó nợ gốc là 24.542.835 đồng (hai mươi tư triệu năm trăm bốn mươi hai ngàn tám trăm ba mươi lăm đồng), nợ lãi 10.808.165 đồng (mười triệu tám trăm lẻ tám ngàn một trăm sáu mươi lăm đồng).

Kể từ ngày 14/8/2020, bà P còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

2. Về án phí:

Bà Nguyễn Thị Hồng P phải chịu 1.768.000 đồng (một triệu bảy trăm sáu mươi tám ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên A số tiền 884.000 đồng (tám trăm tám mươi tư nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0008467 ngày 21/02/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

3. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện Kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phan Thị Hòa